

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 395/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai Quy hoạch ngành Công Thương thời kỳ
2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 03/TTr-SCT ngày 14/01/2025 và Công văn số 295/SCT-TCT ngày 05/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Quy hoạch ngành Công Thương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này; định kỳ báo cáo kết quả về UBND tỉnh, Bộ Công Thương theo đúng quy định.

Sở Công Thương chịu trách nhiệm về kết quả tổng hợp và đề xuất nhiệm vụ phát triển ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh, đáp ứng các yêu cầu, điều kiện, sự phát triển của ngành Công nghiệp và Thương mại, lộ trình tái cơ cấu ngành Công Thương của tỉnh theo nhiệm vụ đã được giao tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(H).



Lê Trọng Yên

KẾ HOẠCH

Triển khai Quy hoạch ngành Công Thương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hoá các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024; Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024; Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 23/4/2024; Chương trình số 32-CTr/TU ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa cần nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển công nghiệp và thương mại. Nâng cao chất lượng và tính chủ động trong tham mưu, thể chế hóa kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành công thương liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; phối hợp chặt chẽ, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Khai thác hiệu quả lợi thế vị trí chiến lược, phát huy vai trò cửa ngõ không gian giữa vùng Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ, phát huy lợi thế kết nối Đông - Tây trong khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Tập trung phát triển nhanh công nghiệp, thương mại một số địa bàn có điều kiện thuận lợi, làm động lực phát triển chung toàn tỉnh; Phấn đấu đến năm 2030, Đắk Nông cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển công nghiệp với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, chú trọng bảo vệ môi trường, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia và giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Trung tâm công nghiệp bô xít - alumin - nhôm của quốc gia, năng lượng tái

tạo của vùng; kêu gọi hình thành các ngành công nghiệp phụ trợ với nguồn nguyên liệu, nguồn điện tại chỗ. Nâng cao chất lượng cung cấp điện, bảo đảm cung cấp điện an toàn, liên tục đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng năng lượng đồng bộ, xây dựng hệ thống lưới điện hiện đại, thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực. Tăng cường kết nối hiệu quả giữa sản xuất với thị trường theo chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo ổn định cung cầu, giá cả hàng hoá và nguồn gốc xuất xứ. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế gắn với thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng ngành Công Thương; nâng cao khả năng tham gia của các doanh nghiệp vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030:

- Về phát triển công nghiệp

+ Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp bình quân 9,05%/năm.

+ Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 23%.

+ Xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp, hình thành một số doanh nghiệp trong tỉnh có quy mô lớn, đa ngành, đa lĩnh vực có tiềm lực dẫn dắt các ngành kinh tế thế mạnh của tỉnh.

+ Hoàn thành tiến độ xây dựng hạ tầng 60%-70% các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, để kêu gọi các nhà đầu tư. Dự kiến tỷ lệ lấp đầy các Cụm công nghiệp đến năm 2030 đạt từ 50%-60% và phát triển công nghiệp chế biến, dệt may, giày da để thu hút dòng chảy đầu tư từ Bình Dương, Bình Phước về Đắk Nông khi khả năng hạ tầng kết nối của tỉnh hoàn thiện.

+ Công nghiệp bô xít - alumin - nhôm, sau nhôm: Khai thác hiệu quả, phát huy thế mạnh khoáng sản bô xít; ưu tiên các dự án đầu tư theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể:

+ Hoàn thành, đưa vào vận hành Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông trong năm 2026;

+ Cải tiến hiệu suất, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ (nâng công suất dây chuyền sản xuất alumin đã có từ 0,65 lên 0,8 triệu tấn alumin/năm); mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ (đầu tư mới dây chuyền sản xuất alumin thứ hai công suất 1,2 triệu tấn để đưa công suất toàn nhà máy lên 2,0 triệu tấn alumin/năm);

+ Kêu gọi đầu tư các dự án: Nhà máy Alumin Đắk Nông 2, Nhà máy Alumin Đắk Nông 3, Nhà máy Alumin Đắk Nông 4, Nhà máy Alumin Đắk Nông 5. Gắn với các khu vực, cụm mỏ khai thác theo quy hoạch 866/QĐ-TTg.

- Về phát triển năng lượng

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng điện, đảm bảo an toàn đạt 99,5%.

+ Giảm mức tiêu hao năng lượng tính trên GRDP bình quân năm đạt 1-1,5%.

+ Phát triển năng lượng sạch, tái tạo, đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời theo quy hoạch quốc gia, phát triển các nguồn điện tiềm năng khi đảm bảo điều kiện theo quy định; ưu tiên phát triển các nguồn điện tự sản, tự tiêu, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường theo chính sách khuyến khích đầu tư được Chính phủ phê duyệt.

- Về phát triển thương mại

+ Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đạt bình quân từ 5-6%/năm.

+ Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt bình quân từ 8-9%/năm.

+ Phát triển ngành thương mại và dịch vụ hiện đại, mở rộng quy mô, hạ tầng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân gắn với thúc đẩy phát triển sản xuất nội tỉnh, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của địa phương. Phát triển thị trường nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu. Tập trung xuất khẩu sản phẩm có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến sâu, phát triển thương mại qua biên giới với Vương quốc Campuchia.

+ Phát triển hệ thống chợ có quy mô phù hợp, phát triển mạng lưới các siêu thị, trung tâm thương mại quy mô lớn, hiện đại tại các đô thị Gia Nghĩa, Đắk Mil, Đắk R'Lấp, Cư Jút; phát triển mạng lưới chợ hạng I theo quy hoạch quốc gia. Đầu tư hạ tầng thương mại khu vực cửa khẩu. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử, phát triển các hình thức mua sắm hiện đại, từng bước phát triển kinh tế ban đêm. Phát triển và mở rộng mạng lưới hệ thống cung cấp dịch vụ tài chính với công nghệ hiện đại.

2.2. Đến năm 2050: Trở thành trung tâm của cả nước về công nghiệp chế biến nhôm; công nghiệp hiện đại, xanh và bền vững; hình thành hệ thống thương mại, dịch vụ hiện đại.

2.3. Đột phá phát triển của ngành: Phát triển công nghiệp khai thác bô xít - chế biến nhôm - luyện nhôm và năng lượng tái tạo.

3. Phát triển hạ tầng công thương

3.1. Phát triển Khu công nghiệp

Thu hút nguồn vốn, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp đồng bộ, phát triển hệ thống các khu công nghiệp, đóng vai trò trung tâm để phát triển ngành công nghiệp nhôm - nhôm. Nghiên cứu, sử dụng hiệu quả quỹ đất hoàn thổ sau khai thác bô xít, tạo quỹ đất quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, hướng đến xây dựng các khu công nghiệp sinh thái, thân thiện môi trường. Hoàn thiện hạ tầng và thu hút đầu tư, đạt tỷ lệ lấp đầy cao đối với 03 khu công nghiệp hiện có.

Sau năm 2030, thành lập thêm 04 khu công nghiệp: Đắc Ru, Quảng Sơn, Đắc Song I và Đắc Song II. Phân đầu đảm bảo các điều kiện để phát triển thêm 01 khu công nghiệp trước năm 2030.

3.2. Phát triển cụm công nghiệp

Hình thành các cụm công nghiệp theo hướng là vệ tinh cho các khu công nghiệp, di dời các cơ sở sản xuất phân tán vào các cụm công nghiệp. Phân đầu mỗi đơn vị cấp huyện thành lập 01 cụm công nghiệp, ưu tiên các vị trí phù hợp, thuận lợi, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất. Nâng tổng số cụm công nghiệp trên địa bàn lên thành 11 cụm.

3.3. Phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

a) Nguồn điện

Đầu tư các dự án nguồn điện thống nhất, đồng bộ, phù hợp với kế hoạch, điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

Nghiên cứu phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh tại các vị trí có tiềm năng; ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo.

b) Mạng lưới truyền tải, phân phối

Đầu tư các dự án nguồn điện cấp quốc gia, lưới điện 500kV, 220kV theo quy hoạch quốc gia. Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên nguồn điện phục vụ cho sản xuất và cho các khu, cụm công nghiệp, khu vực chế biến nhôm - nhôm trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt.

3.4. Phát triển hạ tầng thương mại

Phát triển hạ tầng thương mại theo hướng kết hợp đồng bộ giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại và thương mại điện tử, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và lưu thông hàng hóa, dịch vụ. Khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hóa để phát triển trung tâm logistics, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương. Xây dựng mới, nâng cấp chợ hạng I theo quy hoạch quốc gia. Thu hút, xây dựng mới các chợ truyền thống, bảo đảm mỗi phường, xã có 01 chợ. Xây dựng cụm kho ngoại quan tại khu vực cửa khẩu. Đầu tư trung tâm logistics tại khu vực huyện Đắc R'lấp và huyện Đắc Mil; xây dựng Trung tâm hội chợ, triển lãm thành phố Gia Nghĩa.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

- Rà soát các quy hoạch, dự án trên địa bàn tỉnh bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch quốc gia khoáng sản và năng lượng. Tuân thủ các định hướng phát triển liên kết vùng Tây Nguyên tại địa phương theo quy hoạch vùng và quy hoạch ngành quốc gia.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phát triển công nghiệp như: Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, chương trình khuyến công (quốc gia, địa phương), đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Xây dựng Chương trình phát triển cụm công nghiệp giai đoạn 2026-2030.

- Triển khai các giải pháp phù hợp, nhằm huy động đa dạng nguồn lực phát triển hạ tầng, thúc đẩy phát triển ngành công thương tỉnh Đắk Nông.

- Tập trung xử lý, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, nhất là về cơ chế, chính sách ưu đãi, thủ tục pháp lý để tăng cường thu hút và đầu tư, xây dựng, triển khai các dự án công nghiệp và thương mại trên địa bàn.

2. Huy động nguồn lực xây dựng, triển khai các đề án/dự án trong Quy hoạch.

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện các chương trình, dự án phát triển hạ tầng công nghiệp và thương mại, năng lượng gắn với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Tập trung triển khai hỗ trợ và tháo gỡ kịp thời các vướng mắc để Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ duy trì hoạt động sản xuất ổn định theo công suất thiết kế; phối hợp với chủ đầu tư kiến nghị Trung ương sớm cho chủ trương cho đầu tư xây dựng mới dây chuyền thứ hai với công suất 1, 2 triệu tấn alumin/năm, đặt ngay cạnh nhà máy alumin hiện tại để nâng công suất của Tổ hợp lên thành 2,0 triệu tấn alumin/năm.

- Kêu gọi đầu tư các dự án: Nhà máy Alumin Đắk Nông 2, Nhà máy Alumin Đắk Nông 3, Nhà máy Alumin Đắk Nông 4, Nhà máy Alumin Đắk Nông 5. Gắn với các khu vực, cụm mỏ khai thác theo quy hoạch khoáng sản quốc gia tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023.

- Đầu tư các dự án nguồn điện thống nhất, đồng bộ, phù hợp với kế hoạch, điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền. Nghiên cứu phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh tại các vị trí có tiềm năng; ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo; đẩy nhanh việc lựa chọn nhà đầu tư nguồn năng lượng theo quy định Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 và dự án năng lượng theo cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo với Khách hàng sử dụng điện lớn và dự án điện mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ theo quy định tại Nghị định số 80/2024/NĐ-CP ngày 03/7/2024 và Nghị định số 135/2024/NĐ-CP ngày

22/10/2024 của Chính phủ.

- Triển khai đầu tư hạ tầng lưới điện theo danh mục Quy hoạch điện VIII, phụ lục VI kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 và kế hoạch đầu tư ngành điện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Đầu tư các dự án điện nông thôn tỉnh Đắk Nông theo phân bổ nguồn vốn đầu tư trung hạn 2026-2030 của cấp có thẩm quyền.

- Thu hút, xây dựng mới các chợ truyền thống, bảo đảm mỗi phường, xã có 01 chợ. Xây dựng cụm kho ngoại quan tại khu vực cửa khẩu. Đầu tư trung tâm logistics tại khu vực huyện Đắk R'lấp và huyện Đắk Mil và dọc Quốc lộ 14, 28 và tuyến kết nối đường cao tốc tại các huyện, thành phố. Xây dựng Trung tâm hội chợ, triển lãm tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa; chợ hạng I Đức Lập, Kiến Đức và Gia Nghĩa (giai đoạn 2); Siêu thị tổng hợp biên giới, cụm kho hải quan Khu cửa khẩu tại huyện Đắk Mil, Tuy Đức.

3. Bố trí, quản lý quỹ đất phục vụ triển khai Quy hoạch

- Các doanh nghiệp căn cứ nhu cầu đầu tư dự án công nghiệp và thương mại, đề xuất nhu cầu sử dụng đất (hàng năm, 5 năm) gửi UBND cấp huyện, thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

- Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của nhà đầu tư, UBND cấp huyện, thành phố rà soát, bổ sung kế hoạch sử dụng đất cho các dự án công nghiệp và thương mại, đảm bảo theo quy định và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ của Sở Công Thương và các Sở, ngành liên quan về tái cơ cấu ngành Công Thương theo chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh.

- Đánh giá toàn diện hoạt động đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh, nghiên cứu xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp, gắn kết giữa các doanh nghiệp với các trường đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo nghề nhằm đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo nghề gắn với thực tiễn, giúp người lao động phát huy kiến thức, kỹ năng nghề được học tập.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp liên kết với cơ sở đào tạo nghề để đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhất là các doanh nghiệp ngành luyện kim, điện, cơ khí công nghệ cao,...thực hiện theo đơn đặt hàng, đào tạo đáp ứng xu hướng phát triển của doanh nghiệp.

- Xây dựng, triển khai đề án đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, trong đó chú trọng nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp, chủ động chuẩn bị đội ngũ công nhân có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, có khả năng tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến, hiện đại kịp thời đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, tạo lợi thế trong thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh.

- Đổi mới hoạt động kết nối cung cầu lao động qua các hệ thống giao dịch việc làm giúp các doanh nghiệp tuyển dụng lao động phù hợp.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án nhà ở xã hội tại các khu công nghiệp, khu vực tập trung doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; các dự án đầu tư công trình xã hội,... nhằm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, giúp người lao động yên tâm với nghề, gắn bó với doanh nghiệp, góp phần ổn định về thị trường lao động.

5. Truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật ngành công thương

- Tăng cường thực hiện, lồng ghép với các chương trình khác triển khai các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của phát triển ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị về quy hoạch, kế hoạch triển khai các quy hoạch ngành công thương, kết hợp với cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến và kích lệ tinh thần, động lực của xã hội, của doanh nghiệp trong việc phát công nghiệp và thương mại từ đó nâng cao nhận thức của người dân về phát triển công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh, tạo đồng thuận của người dân với dự án, ủng hộ, góp phần đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm cho lao động của địa phương.

6. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng toàn diện và phát triển bền vững

- Tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững, giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Tăng cường tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng huấn luyện về kỹ thuật an toàn cho người lao động; đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, lao động, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, lao động, phát thải các bon thấp của các nước; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đáp ứng các yêu cầu của các thị trường xuất khẩu.

- Triển khai thực hiện tốt các giải pháp khuyến khích doanh nghiệp về thực hiện kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các bon thấp...; đẩy mạnh phát triển hệ thống cửa hàng, siêu thị xanh, thân thiện môi trường.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải, nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ

môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn. Ưu tiên phát triển các khu, cụm công nghiệp sinh thái.

Chi tiết theo phụ lục đính kèm

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện được bố trí trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông và các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành đảm bảo về thời gian, tiến độ thực hiện.

- Sở Công Thương, Sở Tài chính phối hợp chặt chẽ trong việc nghiên cứu, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét việc bố trí, sử dụng ngân sách hàng năm đảm bảo thực hiện các nội dung theo quy định.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách huy động nguồn lực để triển khai quy hoạch ngành công thương, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển hạ công nghiệp và thương mại; chủ động bố trí, lồng ghép các nhiệm vụ và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Quy hoạch ngành Công Thương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể hàng năm (hoặc giai đoạn) trình cấp thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện đảm bảo mục tiêu đề ra.

- Phối hợp với cơ quan chức năng đề xuất kinh phí, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ có sử dụng ngân sách Nhà nước).

- Định kỳ tham mưu tổ chức đánh giá, rà soát tình hình thực hiện quy hoạch, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Phối hợp Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất địa phương giai đoạn đến năm 2030 để bố trí quỹ đất xây dựng dự án.

- Phối hợp các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng ban hành, hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để huy động nguồn lực đầu tư cho công nghiệp và thương mại với mục đích phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng trong giám sát thực hiện đầu tư phát triển ngành công thương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phối hợp với Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa để cập nhật xác định các dự án, chương trình trong các đề án quy hoạch

chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Chủ trì, tăng cường phối hợp với các lực lượng chức năng, các Hiệp hội thực hiện hiệu quả công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là trong xử lý các vấn đề mới như kinh doanh trên các nền tảng số, thương mại điện tử... nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

- Định kỳ, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch gửi UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định và yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đầu tư; phát triển hạ tầng công thương thuộc thẩm quyền của tỉnh.

- Chủ trì tham mưu tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ ngân sách nhà nước cho các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Công Thương bố trí, huy động nguồn vốn đầu tư cho việc thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì tham mưu lựa chọn nhà đầu tư các dự án đã được Quy hoạch thuộc lĩnh vực công thương trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đầu tư, phát triển khu công nghiệp trong đó:

- Phối hợp với các cơ quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để sớm triển khai dự án khu công nghiệp Nhân Cơ 2; xây dựng lộ trình thu hút đầu tư các khu công nghiệp đã được quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, đôn đốc các dự án đầu tư trong khu công nghiệp triển khai theo tiến độ dự án được chấp thuận; rà soát và kiên quyết thu hồi các dự án đầu tư không có khả năng triển khai, chậm triển khai nhằm tạo môi trường đầu tư, cơ hội cho các nhà đầu tư có năng lực thực sự đầu tư.

- Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, có ý nghĩa chiến lược, trước mắt là Dự án Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông của Công ty TNHH luyện kim Trần Hồng Quân; Khu công nghiệp Nhân Cơ; Nhân Cơ 2.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực ngành Công Thương phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực ngành Công Thương gửi về Sở Công Thương để xây dựng đề xuất đặt hàng theo quy định; tổ chức xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; phối hợp rà soát, đánh giá công nghệ áp dụng đối với các dự án công nghiệp mới theo quy định, đặc biệt là công nghiệp khai thác khoáng sản bô xít, sản xuất alumin, luyện nhôm và sau nhôm.

- Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn việc xây dựng và phát triển nhãn hiệu, các đối tượng sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm của tỉnh, nhằm nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh hàng hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tham mưu UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất đối với các dự án đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, dự án công nghiệp, thương mại theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định của cấp có thẩm quyền khác liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hằng năm cho triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật; phát triển thị trường cho các sản phẩm của ngành nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ được phân công.

6. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ: Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

7. Các sở, ngành khác, các hiệp hội: Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phối hợp, hỗ trợ Sở Công Thương và các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ có liên quan thuộc Kế hoạch.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành tổ chức triển khai thực hiện các nội dung có liên quan Kế hoạch; cân đối, bố trí kinh phí hàng năm để triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này theo phân cấp ngân sách.

- Tăng cường thu hút đầu tư xã hội hóa hạ tầng cụm công nghiệp và dự án đầu tư thứ cấp vào cụm công nghiệp; ưu tiên thu hút các dự án phù hợp lợi thế

địa phương và đúng định hướng không gian phát triển công nghiệp và thương mại của tỉnh theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định của cấp có thẩm quyền khác liên quan trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Chủ động phối hợp với Sở Công Thương và các Sở, ngành liên quan để cập nhật, xác định cụ thể các dự án, chương trình về công nghiệp, thương mại,...trong các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Đồng hành và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án công nghiệp, thương mại đảm bảo quy định, đúng tiến độ, sớm đi vào hoạt động. Tập trung ưu tiên giải quyết dứt điểm, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa phối hợp với các đơn vị có liên quan chủ động xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được phân công theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình; định kỳ báo cáo **hàng năm** tình hình thực hiện cho UBND tỉnh (thông qua Sở Công Thương) **trước ngày 10/12** để tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Quy hoạch ngành Công Thương tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2030 theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc những vấn đề mới, phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa kịp thời phản ánh bằng văn bản và gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xử lý./.

Phụ lục I
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI QUY HOẠCH NGÀNH CÔNG THƯƠNG THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Quyết định số: 395/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông)

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|-----------|--|---|---|--|---------------------------------------|
| A | PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP | | | | |
| I | Các chỉ tiêu phân đầu | | | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp bình quân. | 9,05%/năm | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố | 2030 |
| 2 | Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên | 23% | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố | 2030 |
| 3 | Phân đầu chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân | 20%/năm | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố | 2030 |
| II | Phát triển các dự án công nghiệp trọng điểm đã được quy hoạch | | | | |
| 1 | Hoàn thành tiến độ xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, để kêu gọi các nhà đầu tư. | 60%-70% | Chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố | |
| 2 | Phân đầu tỷ lệ lấp đầy các Cụm công nghiệp đến năm 2030 đạt từ | 50%-60% | Chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; Sở Tài chính | UBND các huyện, thành phố; các Sở, ngành liên quan | |
| 2.1. | Thu hút đầu tư các dự án cụm công nghiệp đã được | Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định đầu tư | Sở Tài chính, Sở Công Thương (theo | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố | Hàng năm |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|------|--|--|---|---|---------------------------------------|
| | phê duyệt quy hoạch tại Quyết định 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023: 11 Cụm công nghiệp theo từng giai đoạn | | phân cấp, hình thức lựa chọn) | | |
| 2.2. | Tham mưu đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định: Xác định quy mô, diện tích, vị trí cụ thể của từng cụm công nghiệp | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các huyện, thành phố | Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và đầu tư, nhà đầu tư (sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư) | Hàng năm |
| 2.3. | Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội | Tờ trình của UBND, Nghị quyết của HĐND | Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các huyện, thành phố | Sở Công Thương, Sở Tài chính, nhà đầu tư (sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư) | Hàng năm |
| 3 | Hoàn thành, đưa vào vận hành Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông | Có sản phẩm nhôm | Công ty TNHH luyện kim Trần Hồng Quân | Các Sở, ngành liên quan | 2026 |
| 3.1. | Đơn đốc chủ đầu tư triển khai thực hiện theo nội dung Giấy chứng nhận đầu tư đã điều chỉnh | Văn bản đơn đốc; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư | Ban Quản lý các Khu công nghiệp | Các Sở, ngành liên quan | 2024-2026 |
| 3.2. | Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách ưu đãi đầu tư đối với nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan | 2025 |
| 3.3. | xử lý khắc phục sự cố sạt trượt | Hoàn thành công trình (dự án) | Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông (chủ đầu tư). | Các Sở, ngành liên quan, UBND huyện Đắk R'lấp | 2025-2027 |
| 3.4. | Hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhân Cơ | Nghiệm thu đưa vào sử dụng | Chủ đầu tư | Các Sở, ngành liên quan | 2025-2030 |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|------|---|--|---|--|---------------------------------------|
| 4 | Cải tiến hiệu suất, nâng công suất Nhà máy sản xuất nhôm Nhân Cơ (nâng công suất dây chuyền sản xuất nhôm đã có từ 0,65 lên 0,8 triệu tấn nhôm/năm); mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất nhôm Nhân Cơ (đầu tư mới dây chuyền sản xuất nhôm thứ hai công suất 1,2 triệu tấn để đưa công suất toàn nhà máy lên 2,0 triệu tấn nhôm/năm) | 2 triệu tấn Alumin/năm | Công ty nhôm Đắk Nông - TKV | Các Sở, ngành liên quan, UBND huyện Đắk R'lấp | 2025/2028 |
| 4.1. | Phối hợp với TKV đề xuất chủ trương nâng công suất, mở rộng nhà máy nhôm Nhân Cơ lên 2 triệu tấn nhôm/năm | Các Văn bản đề xuất của tỉnh | Ban Quản lý dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ - Vinacomin, Sở Công Thương | Các Sở, ngành liên quan, UBND huyện Đắk R'lấp | 2025 |
| 4.2. | Phối hợp hoàn thiện chủ trương đầu tư | Chủ trương đầu tư | Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan, UBND huyện Đắk R'lấp | 2025 |
| 4.3. | Bố trí quỹ đất theo quy hoạch để nhà máy nhôm Nhân Cơ sản xuất ổn định | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành liên quan, UBND huyện Đắk R'lấp và Công ty nhôm Đắk Nông - TKV | 2025-2030 |
| 5 | Kêu gọi đầu tư các dự án: Nhà máy Alumin Đắk Nông 2, Nhà máy Alumin Đắk Nông 3, Nhà máy Alumin Đắk Nông 4, Nhà máy Alumin Đắk Nông 5. Gắn với các khu vực, cụm mỏ khai thác theo quy hoạch. | Lựa chọn được ít nhất một cụm nhà máy mới vào hoạt động trước năm 2030 | Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong | 2024-2030 |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|------|--|-----------------------------|---------------------------------|---|---------------------------------------|
| 5.1. | Danh mục thu hút đầu tư giai đoạn 2025-2030 | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong | 2024-2030 |
| 5.2. | Chủ trương đầu tư (lựa chọn nhà đầu tư) | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong | 2024-2030 |
| 5.3. | Danh mục thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong | 2025-2030 |
| 5.4. | Kế hoạch sử dụng đất hàng năm (sau 3 tháng kể từ khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền) | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong | 2025-2030 |
| 5.5. | Hoàn thành đầu tư ít nhất 01 nhà máy sản xuất nhôm mới | 2 triệu tấn nhôm/dự án | Chủ đầu tư | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong | 2029-2030 |
| 6 | Tháo gỡ các dự án thuộc Quy hoạch khoáng sản quốc gia | | | | |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|------|--|----------------------------|--|--|---------------------------------------|
| 6.1. | Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường lập đề án triển khai khoanh định chính xác tọa độ khép góc các khu vực sẽ cấp phép để giảm thiểu diện tích chiếm đất bị ảnh hưởng của các dự án khai thác mỏ, đảm bảo vẫn nằm trong tọa độ khép góc của khu vực có khoáng sản đã quy hoạch đồng thời xác định, loại bỏ các khu vực không chứa khoáng sản hoặc có khoáng sản trữ lượng không tập trung, phân tán, hàm lượng trữ lượng thấp (khai thác không có hiệu quả kinh tế). Địa phương được phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, triển khai các dự án phát triển kinh tế xã hội khác trên phần diện tích không có khoáng sản được loại bỏ trên cùng một khu vực đã quy hoạch. | Quyết định phê duyệt đề án | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong | 2026 |
| 6.2. | Kịp thời phản ánh những vấn đề bất cập, vướng mắc, đề xuất phương án giải quyết phù hợp trong quá trình thực hiện Quy hoạch khoáng sản trên địa bàn địa phương quản lý. | Văn bản của UBND tỉnh | Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Công thương | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong | Hàng năm |
| 6.3. | Chủ động rà soát, báo cáo cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn các nội dung liên quan đến phương án bảo vệ, tập kết, lưu trữ khoáng sản thu hồi nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công Dự án đầu tư theo quy định. | Văn bản của UBND tỉnh | Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong | Hàng năm |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|----------|---|---|----------------|---|---------------------------------------|
| 7 | Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển công nghiệp theo Nghị quyết số 05/NQ/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 514/KH-UBND ngày 08/9/2022 về phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | Báo cáo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh sơ kết 5 năm | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố | Năm 2025-2026/2030 |
| 8 | Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển công nghiệp theo Kế hoạch 307/KH-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình số 32-CTr/TU, ngày 08/10/2018 của Tỉnh ủy Đắk Nông, về việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị, về việc định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. | Báo cáo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh sơ kết 5 năm | Sở Công Thương | Các Sở, ngành | Năm 2025/2030 |
| 9 | Thu hút đầu tư các dự án công nghiệp mới đã được phê duyệt quy hoạch tại Quyết định 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 | Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định đầu tư | Sở Tài chính | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố | Hàng năm |
| B | PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG | | | | |
| I | Các chỉ tiêu phân đầu | | | | |
| 1 | Tỷ lệ hộ được sử dụng điện, đảm bảo an toàn đạt | 99,5% | Sở Công Thương | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong; Công ty điện lực miền Trung | 2029-2030 |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|-----------|--|--|---|--|---------------------------------------|
| 2 | Giảm mức tiêu hao năng lượng tính trên GRDP bình quân năm đạt 1-1,5%. | Kế hoạch của UBND tỉnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | Sở Công Thương, các Chủ đầu tư các dự án sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh; các điểm sử dụng điện công cộng | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2026-2030 |
| 2.1. | Kiểm tra, rà soát tình hình sử dụng năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh | Kế hoạch kiểm tra | Sở Công Thương, Công ty điện lực Đắk Nông | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2026-2030 |
| 2.2. | Ban hành Kế hoạch nhiệm vụ và giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | Kế hoạch của UBND tỉnh | Sở Công Thương, Công ty điện lực Đắk Nông | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2026-2030 |
| II | Thực hiện các phương án phát triển năng lượng | | | | |
| 1 | Phát triển nguồn điện | | | | |
| 1.1. | Thủy điện | | | | |
| | Kêu gọi khảo sát, đề xuất dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh đảm bảo chỉ tiêu đã được phân bổ (76 MW) và các quy định hiện hành | Danh mục dự án thủy điện | Sở Công Thương, Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2025-2030 |
| 1.2. | Điện gió | | | | |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|------|---|---|---------------------------------|--|---------------------------------------|
| | Kêu gọi khảo sát, đề xuất chủ trương đầu tư các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh đảm bảo chỉ tiêu đã được phân bổ (680 MW) và các quy định hiện hành. Tiếp tục hỗ trợ các dự án điện gió đã thực hiện đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định. | Danh mục dự án điện gió | Sở Công Thương, Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2025-2030 |
| 1.3. | Nguồn điện mặt trời theo hình thức tự sản tự tiêu | | | | |
| | Phát triển các nguồn điện tự sản, tự tiêu, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường theo chính sách khuyến khích đầu tư tại Nghị định 80/2024/NĐ-CP ngày 03/7/2024 và Nghị định 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024: Xuyên Hà, Ea T'ling, Cư Knia, KN Buon Tua Srah | Danh mục dự án điện mặt trời, lựa chọn nhà đầu tư | Sở Công Thương, Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2025-2030 |
| 1.4. | Điện mặt trời mái nhà | | | | |
| | Kêu gọi khảo sát, đề xuất chủ trương đầu tư các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh đảm bảo chỉ tiêu đã được phân bổ (9 MW), các quy định hiện hành và tiềm năng phát triển điện mặt trời địa phương để bổ sung quy | Danh mục dự án điện mặt trời, lựa chọn nhà đầu tư | Sở Công Thương, Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2025-2030 |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|------|---|--|---|--|---------------------------------------|
| | hoạch điện VIII | | | | |
| 2 | Phát triển lưới điện | | | | |
| | Triển khai đầu tư các dự án hạ tầng lưới điện 3 dự án đường dây 500KV qua tỉnh Đắk Nông, 2 dự án đường dây 220KV và danh mục các dự án lưới điện 110KV đã được phê duyệt tại Quyết định 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ | Kế hoạch đầu tư lưới điện (danh mục đầu tư hạ tầng kỹ thuật điện có sử dụng đất 2025-2030) | Đề nghị Điện lực miền Trung phối hợp, Công ty điện lực Đắk Nông, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2025-2030 |
| 3 | Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo (Tiếp tục triển khai Quyết định 2081/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 và Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024) | | | | |
| 3.1. | Đăng ký nguồn vốn đầu tư từ Chương trình cấp điện nông thôn miền núi hải đảo | 581 tỷ đồng | Sở Tài chính, Sở Công Thương | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2025-2030 |
| 3.2. | Xây dựng danh mục dự án đầu tư công trung hạn | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Sở Tài chính | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2026-2030 |
| 3.3. | Danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất các huyện, thành phố | Nghị quyết của HĐND tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2026-2030 |
| 3.4. | Giao chủ đầu tư dự án, công trình cụ thể | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Công Thương, Sở Tài chính, Ban Quản lý các dự án công | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2026-2030 |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|-----------|--|---|--|--|---------------------------------------|
| | | | trình công nghiệp và dân dụng | | |
| 3.5. | Đầu tư xây dựng công trình cụ thể tại các huyện, thành phố | Theo dự án cụ thể | Sở Công Thương, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố | 2026-2030 |
| 4 | Tiếp tục triển khai Kế hoạch 484/KH-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình số 58-CTr/TU ngày 18/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Báo cáo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh sơ kết 5 năm | Sở Công Thương | Các Sở, ngành | Năm 2025 |
| C | PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI | | | | |
| I | Chỉ tiêu thực hiện | | | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đạt bình quân từ 5-6%/năm. | Kế hoạch thực hiện/ Đề án cụ thể | Sở Công Thương | Các Sở, ngành | 2025 -2030 |
| 2 | Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt bình quân từ 8-9%/năm. | Kế hoạch/ giải pháp cụ thể hàng năm | Sở Công Thương | Các Sở, ngành | 2025 -2030 |
| II | Phương án phát triển thương mại | | | | |
| 1 | | Kế hoạch/ giải pháp cụ thể hàng | Sở Công Thương | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố | 2025 -2030 |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|----|--|--|--|--|---------------------------------------|
| | Phát triển hệ thống chợ có quy mô phù hợp, phát triển mạng lưới các siêu thị, trung tâm thương mại quy mô lớn, hiện đại tại các đô thị Gia Nghĩa, Đắk Mil, Đắk R'Lấp, Cư Jút; phát triển mạng lưới chợ hạng I theo quy hoạch quốc gia. Đầu tư hạ tầng thương mại khu vực cửa khẩu. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử, phát triển các hình thức mua sắm hiện đại, từng bước phát triển kinh tế ban đêm. Phát triển và mở rộng mạng lưới hệ thống cung cấp dịch vụ tài chính với công nghệ hiện đại. | năm | | | |
| 2 | Tích hợp danh mục dự án vào Quy hoạch xây dựng có liên quan | Danh mục dự án siêu thị, trung tâm thương mại cụ thể | UBND các huyện, thành phố; Sở Xây dựng | Các Sở, ngành liên quan | 2025 -2030 |
| 3 | Phát triển ngành thương mại và dịch vụ hiện đại, mở rộng quy mô, hạ tầng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân gắn với thúc đẩy phát triển sản xuất nội tỉnh, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của địa phương. Phát triển thị trường nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu. Tập trung xuất khẩu sản phẩm có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến sâu, phát triển thương mại qua biên giới với Vương quốc Campuchia. | Kế hoạch/ đề án hàng năm | Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Tài nguyên | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố | 2025 -2030 |
| 4 | Khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hóa để phát triển trung tâm logistics, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đáp ứng nhu cầu phát triển | Danh mục dự án trung tâm logistics, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ | Sở Tài chính, Sở Công Thương và UBND các huyện, thành phố. | Các Sở, ngành liên quan | 2025 -2030 |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|----------|--|--|--|--|---------------------------------------|
| | kinh tế của địa phương. Xây dựng mới, nâng cấp chợ hạng I theo quy hoạch quốc gia. Thu hút, xây dựng mới các chợ truyền thống, bảo đảm mỗi phường, xã có 01 chợ. Xây dựng cụm kho ngoại quan tại khu vực cửa khẩu. Đầu tư trung tâm logistics tại khu vực huyện Đăk R'Lấp và huyện Đăk Mil. Xây dựng Trung tâm hội chợ, triển lãm tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa. | | | | |
| D | ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH: PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC BÔ XÍT - CHẾ BIẾN ALUMIN - LUYỆN NHÔM VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO | | | | |
| 1 | Hoàn thiện Khu công nghiệp Nhân Cơ 2 theo Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 17/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ (60 tháng kể từ thời điểm giao đất). | Hoàn thiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đưa vào sử dụng | Chủ đầu tư | Các Sở, ngành liên quan | 2025 -2030 |
| 2 | Khai thác hiệu quả, phát huy thế mạnh khoáng sản bô xít; ưu tiên các dự án đầu tư theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Hoàn thành, đưa vào vận hành Nhà máy điện phân nhôm Đăk Nông trong năm 2026; Cải tiến hiệu suất, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ đầu tư mới dây chuyền sản xuất alumin thứ hai công suất 1,2 triệu tấn | Hoàn thiện đầu tư các dự án nhôm, dự án nâng công suất alumin, lựa chọn nhà đầu tư dự án alumin mới được quy hoạch | Sở Tài chính, Chủ đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Đăk R'lấp, Đăk Glong, Đăk Song, Tuy Đức và thành phố Gia Nghĩa | 2025 -2030 |

| TT | NỘI DUNG | MỤC TIÊU, KẾT QUẢ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN/ HOÀN THÀNH |
|----|---|---|--|---|---------------------------------------|
| | để đưa công suất toàn nhà máy lên 2,0 triệu tấn alumin/năm; Kêu gọi đầu tư các dự án: Nhà máy Alumin Đắk Nông 2, Nhà máy Alumin Đắk Nông 3, Nhà máy Alumin Đắk Nông 4, Nhà máy Alumin Đắk Nông 5. Gắn với các khu vực, cụm mỏ khai thác theo quy hoạch. | | | | |
| 3 | Phát triển năng lượng sạch, tái tạo, đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời theo quy hoạch quốc gia, phát triển các nguồn điện tiềm năng khi đảm bảo điều kiện theo quy định theo Quyết định 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023, Quyết định 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024, Quyết định số 1337/QĐ-TTg ngày 06/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan; nghiên cứu tiềm năng phát triển về năng lượng tái tạo của tỉnh để đẩy nhanh và ưu tiên phát triển các nguồn điện tự sản, tự tiêu, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường theo chính sách khuyến khích đầu tư tại Nghị định 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024 của Chính phủ. | Danh mục dự án, lựa chọn nhà đầu tư các dự án cụ thể theo Quy hoạch điện VIII và danh mục dự án theo Nghị định 135/2024/NĐ-CP ngày 22/10/2024 | Sở Tài chính, Chủ đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện thành phố Gia Nghĩa | 2025 -2030 |

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH THUỘC THẨM QUYỀN
PHÊ DUYỆT CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG VÀ CỦA TỈNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG HẾT HIỆU LỰC
(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh
Đắk Nông)

| STT | Tên Quy hoạch | Số Quyết định phê duyệt | Ghi chú |
|-----------|---|--|---------|
| I | Thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương | | |
| 1 | Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đắk Nông nông, giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV (Hợp phần I) | Quyết định số 2907/QĐ-BCT ngày 11/07/2016 của Bộ Công Thương | |
| II | Thuộc thẩm quyền của tỉnh | | |
| 1 | Rà soát, bổ sung Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2020, có xét đến năm 2025 | Quyết định số 2118/QĐ-UBND, ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Đắk Nông | |
| 2 | Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đắk Nông nông, giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt | Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông | |
| 3 | Quy hoạch phát triển thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2006-2010, có xét đến năm 2020 | Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 30/4/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông | |

Phụ lục III
MỘT SỐ QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, CƠ CHẾ
CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT VÙNG
(Kèm theo Quyết định số **395**/QĐ-UBND ngày **18/3/2025** của UBND tỉnh
Đắk Nông)

| TT | Nhiệm vụ | Thời gian hoàn thành | Cơ quan chủ trì tham mưu | Ghi chú |
|----|---|----------------------|--|--|
| I | Chương trình, kế hoạch, đề án tỉnh Đắk Nông chủ trì | | | |
| 1 | Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông | 2025-2030 | Các Sở, ngành liên quan theo nhiệm vụ được phân công | Theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 |

Phụ lục IV
DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI
DỰ KIẾN THỰC HIỆN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN
NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông)

| STT | Các chương trình, dự án | Địa điểm | Cơ quan chủ trì, phối hợp | Ưu tiên và phân kỳ thực hiện | | | Nguồn vốn đầu tư Ghi chú | |
|----------|-------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|---------------|-------------|--|---|
| | | | | 2021- 2025 | 2026- 2030 | Sau 2030 | NSNN, O DA và vốn vay ưu đãi nước ngoài | Vốn ngoài ngân sách nhà nước |
| I | Cụm công nghiệp | | | | | | | |
| 1 | CCN Thuận An | Xã Thuận An, huyện Đắk Mil | Tỉnh Đắk Nông | x | x | x | x | x |
| 2 | CCN Đắk R'la | Xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 3 | CCN Quảng Tâm | Xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 4 | CCN BMC | Xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong | Tỉnh Đắk Nông | x | x | x | | x |
| 5 | CCN Quảng Khê | Huyện Đắk Glong | Tỉnh Đắk Nông | x | x | x | | x |

| | | | | | | | | |
|-----------|------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|---|---|---|---|---|
| 6 | CCN Krông Nô | Huyện Krông Nô | Tỉnh Đắk Nông | x | x | x | | x |
| 7 | CCN Gia Nghĩa | Xã Đắk Nĩa | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | X |
| 8 | CCN Trúc Sơn | Xã Trúc Sơn | Tỉnh Đắk Nông | x | x | x | | X |
| 9 | CCN Nam Dong | Xã Nam Dong | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | X |
| 10 | CCN Đắk Song | Huyện Đắk Song | Tỉnh Đắk Nông | x | x | x | | X |
| 11 | CCN Đắk R'lấp | Huyện Đắk R'lấp | Tỉnh Đắk Nông | x | x | x | | X |
| II | Khu công nghiệp | | | | | | | |
| 1 | KCN Tâm Thắng | Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút | Tỉnh Đắk Nông | x | x | x | x | |
| 2 | KCN Nhân Cơ | Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp | Tỉnh Đắk Nông | x | x | | x | |
| 3 | KCN Nhân Cơ 2 | Huyện Đắk R'lấp | Tỉnh Đắk Nông | x | x | x | | X |
| 4 | KCN Đắk Ru | Huyện Đắk R'lấp | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Tỉnh Đắk Nông | | | x | | X |
| 5 | KCN Quảng Sơn | Huyện Đắk Glong | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Tỉnh Đắk Nông | | | x | | X |

| | | | | | | | | |
|------------|--|-----------------------------------|---|---|---|---|---|---|
| 6 | KCN Đắk Song I | Huyện Đắk Song | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Tỉnh Đắk Nông | | | x | | X |
| 7 | KCN Đắk Song II | Huyện Đắk Song | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Tỉnh Đắk Nông | | | x | | X |
| III | Lĩnh vực Công nghiệp | | | | | | | |
| 1 | Dự án cải tiến hiệu suất, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ (nâng công suất dây chuyền sản xuất alumin hiện có từ 0,65 lên 0,8 triệu tấn alumin/năm), Nhân Cơ tại huyện Đắk R'lấp | Huyện Đắk R'lấp | Tỉnh Đắk Nông; TKV | x | x | | x | x |
| 2 | Dự án mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ (đầu tư mới dây chuyền sản xuất alumin thứ hai công suất 1,2 triệu tấn alumin/năm), Nhân Cơ tại huyện Đắk R'lấp | Huyện Đắk R'lấp | Tỉnh Đắk Nông; TKV | x | x | | x | x |
| 3 | Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 2 tại huyện Đắk Glong | Huyện Đắk Glong | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 4 | Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 3 tại huyện Đắk Song | Huyện Đắk Song | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 5 | Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 4 tại huyện Tuy Đức hoặc huyện Đắk Song | Huyện Tuy Đức hoặc huyện Đắk Song | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 6 | Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 5 tại huyện Đắk Glong | Huyện Đắk Glong | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | | x | x | | x |

| | | | | | | | | |
|----|---|--|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Nhà máy cơ khí chế tạo máy và sửa chữa các thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến bô xít và cung cấp thiết bị cơ khí cho dự án điện phân nhôm tại huyện Đắk R'Lấp | Huyện Đắk R'Lấp | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | | x | x | | x |
| 8 | Nhà máy sản xuất dây cáp điện | Huyện Đắk R'Lấp | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 9 | Nhà máy sản xuất nhôm định hình và nhôm trang trí | Huyện Đắk R'Lấp | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 10 | Nhà máy sản xuất linh kiện thiết bị công nghiệp sử dụng nhôm và hợp kim nhôm | Huyện Đắk R'Lấp | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 11 | Các dự án khai thác quặng bô xít theo quy hoạch khoáng sản quốc gia tại các huyện Đắk Glong, Tuy Đức, Đắk R'Lấp, thành phố Gia Nghĩa và Đắk Song | Huyện Đắk Glong, Tuy Đức, Đắk R'Lấp, thành phố Gia Nghĩa và Đắk Song | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | x | x |
| 12 | Nhà máy bảo quản, chế biến nông sản (trái cây, cà phê, hồ tiêu...) | Các huyện, thành phố | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | | x | x | | x |
| 13 | Nhà máy chế biến gỗ, ván MDF, tre, nứa... | Các huyện, thành phố | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 14 | Nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất | Các huyện, thành phố | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 15 | Nhà máy chế biến cao su | Các huyện, thành phố | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 16 | Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng | Các huyện, thành phố | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|--------------------------------|---|---|---|---|---|---|
| 17 | Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi | Các huyện, thành phố | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 18 | Nhà máy dệt, may | Các huyện, thành phố | Tỉnh Đắk Nông; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 19 | Kho cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt | Các huyện, thành phố | Tỉnh Đắk Nông; Bộ Công Thương; Chủ đầu tư được lựa chọn | x | x | x | | x |
| 20 | Các dự án phát triển hạ tầng lưới điện. | Các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Bộ Công Thương, Tỉnh Đắk Nông, EVN | x | x | x | x | x |
| 21 | Các dự án đầu tư sản xuất điện, gồm: Điện gió, điện mặt trời, thủy điện (Theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII). | Các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Bộ Công Thương, Tỉnh Đắk Nông | x | x | x | | X |
| 21.1 | Nhà máy điện gió Tuy Đức (Quyết định 1682/QĐ-TTg) | Huyện Tuy Đức | Bộ Công Thương, Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 21.2 | Nhà máy điện gió Tuy Đức 10 (Quyết định 1682/QĐ-TTg) | Huyện Tuy Đức | Bộ Công Thương, Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 21.3 | Thủy điện Đắk Sor 4 | Huyện Đắk Mil, Krông Nô | Bộ Công Thương, Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 21.4 | Các dự án khác theo Quyết định của cấp có thẩm quyền | Các huyện, thành phố | Bộ Công Thương, Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| IV | Thương mại | | | | | | | |
| 1 | Chợ hạng I Đức Lập tại huyện Đắk Mil | Huyện Đắk Mil | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 2 | Chợ hạng I Kiến Đức tại | Huyện Đắk R'Lấp | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|---|---------------|---|---|---|---|---|
| 3 | Chợ hạng I Gia Nghĩa (nâng cấp, cải tạo) | Thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | x | x | | | x |
| 4 | Trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh Đắk Nông | Thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | x | x |
| 5 | Trung tâm logistics cấp vùng tại | Huyện Đắk Mil | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 6 | Trung tâm logistics cấp vùng | Huyện Đắk R'Lấp | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 7 | Các trung tâm Logistic dọc Quốc lộ 14, Quốc lộ 28, tuyến kết nối với đường cao tốc tại | Các huyện, thành phố | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 8 | Siêu thị tổng hợp biên giới | Huyện Đắk Mil, Tuy Đức | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 9 | Cụm kho hải quan Khu cửa khẩu | Huyện Đắk Mil, Tuy Đức | Tỉnh Đắk Nông | | x | x | | x |
| 10 | Chợ xã, phường (hạng 3) | | | | | | | |
| 10.1 | Chợ Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa | Phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | x | | | | x |
| 10.2 | Chợ Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa | Phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 10.3 | Chợ Đắk Nia, thành phố Gia Nghĩa | xã Đắk Nia, thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 10.4 | Chợ Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa | Phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | | | x | | x |
| 10.5 | Chợ Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa | Xã Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |

| | | | | | | | | |
|-------|---|---|---------------|---|---|---|--|---|
| 10.6 | Chợ Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa | Phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | | | x | | x |
| 10.7 | Dự án đầu tư, xây dựng và kinh doanh chợ Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa | Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | x | | | | x |
| 10.8 | Chợ xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút | xã Trúc Sơn, Huyện Cư Jút | Tỉnh Đắk Nông | | | x | | x |
| 10.9 | Chợ Đắk Lao, huyện Đắk Mil | xã Đắk Lao, Huyện Đắk Mil | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 10.10 | Chợ xã Long Sơn, huyện Đắk Mil | xã Long Sơn, Huyện Đắk Mil | Tỉnh Đắk Nông | | | x | | x |
| 10.11 | Chợ xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song | xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 10.12 | Chợ xã Thuận Hà, huyện Đắk Song | xã Thuận Hà, huyện Đắk Song | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 10.13 | Chợ Đắk Nang, huyện Krông Nô | xã Đắk Nang, huyện Krông Nô | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 10.14 | Chợ Buôn Choah, huyện Krông Nô | xã Buôn Choah, huyện Krông Nô | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 10.15 | Chợ Tân Thành, huyện Krông Nô | xã Tân Thành, huyện Krông Nô | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 10.16 | Chợ Nam Xuân, huyện Krông Nô | xã Nam Xuân, huyện Krông Nô | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 10.17 | Chợ xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong | xã Đắk Ha, Huyện Đắk G'Long | Tỉnh Đắk Nông | x | | | | x |
| 10.18 | Chợ Đắk P'Lao, huyện Đắk Glong | xã Đắk P'Lao, Huyện Đắk G'Long | Tỉnh Đắk Nông | | | x | | x |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|----------------------------------|---------------|---|---|---|---|----------|
| 10.19 | Chợ Đắc Som, huyện Đắc Glong | xã Đắc Som, Huyện Đắc G'Long | Tỉnh Đắc Nông | x | | | x | |
| 10.20 | Chợ xã Quảng Hòa, huyện Đắc Glong | xã Quảng Hòa, Huyện Đắc G'Long | Tỉnh Đắc Nông | | x | | | x |
| 10.21 | Chợ Kiến Thành, huyện Đắc R'Lấp | xã Kiến Thành, Huyện Đắc R'Lấp | Tỉnh Đắc Nông | | x | | | x |
| 10.22 | Chợ Hưng Bình, huyện Đắc R'Lấp | xã Hưng Bình, Huyện Đắc R'Lấp | Tỉnh Đắc Nông | | x | | | x |
| 10.23 | Chợ Đạo Nghĩa, huyện Đắc R'Lấp | xã Đạo Nghĩa, Huyện Đắc R'Lấp | Tỉnh Đắc Nông | | x | | | x |
| 10.24 | Chợ TT huyện Đắc R'Lấp mới, huyện Đắc R'Lấp | Huyện Đắc R'Lấp | Tỉnh Đắc Nông | | | x | | x |
| 10.25 | Chợ Đắc Ngo, huyện Tuy Đức | xã Đắc Ngo, Huyện Tuy Đức | Tỉnh Đắc Nông | x | | | x | |
| 10.26 | Chợ Quảng Tân, huyện Tuy Đức | xã Quảng Tân, Huyện Tuy Đức | Tỉnh Đắc Nông | | | x | | x |
| 10.27 | Chợ Quảng Tâm, huyện Tuy Đức | xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức | Tỉnh Đắc Nông | | | x | | x |
| 10.28 | Dự án Chợ tại các xã, phường chưa có chợ phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất | Các phường, xã trên địa bàn tỉnh | Tỉnh Đắc Nông | | x | x | x | x |
| 11 | Siêu thị | | | | | | | x |
| 11.1 | Siêu thị hạng III tại huyện Cư Jút | huyện Cư Jút | Tỉnh Đắc Nông | | x | | | x |

| | | | | | | | | |
|-----------|---|---------------------|---------------|---|---|---|--|---|
| 11.2 | Siêu thị hạng III tại huyện Đắk Mil | huyện Đắk Mil | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 11.3 | Siêu thị hạng III tại huyện Đắk R'Lấp | huyện Đắk R'Lấp | Tỉnh Đắk Nông | x | | | | x |
| 11.4 | Siêu thị hạng III tại Trung tâm xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp | huyện Đắk R'Lấp | Tỉnh Đắk Nông | x | | | | x |
| 11.5 | Siêu thị hạng III tại huyện Đắk Song | huyện Đắk Song | Tỉnh Đắk Nông | | x | | | x |
| 11.6 | Siêu thị hạng III tại huyện Đắk Glong | huyện Đắk Glong | Tỉnh Đắk Nông | | | x | | x |
| 11.7 | Siêu thị hạng III tại huyện Tuy Đức | huyện Tuy Đức | Tỉnh Đắk Nông | | | x | | x |
| 11.8 | Siêu thị hạng III tại huyện Krông Nô | huyện Krông Nô | Tỉnh Đắk Nông | x | | | | x |
| 11.9 | Siêu thị hạng III tại thành phố Gia Nghĩa | thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | x | | | | x |
| 12 | Trung tâm thương mại | | | | | | | |
| 12.1 | Trung tâm thương mại tại thành phố Gia Nghĩa | thành phố Gia Nghĩa | Tỉnh Đắk Nông | x | | | | x |
| 12.2 | Trung tâm thương mại tại huyện Đắk Glong | huyện Đắk Glong | Tỉnh Đắk Nông | | | x | | X |